

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 39/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 1989

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 39/HĐBT NGÀY 10/4/1989

VỀ CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT TIỀN GỬI
VÀ CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4/7/1981;

Để phát huy tác dụng đòn bẩy của chính sách lãi suất tín dụng ngân hàng, nhằm thu hút được mọi nguồn vốn và tiền mặt trong xã hội, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và góp phần chống lạm phát;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngành liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng được quy định theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo tồn được vốn và có lãi:

- Lãi suất tiền gửi phải bù đắp được tỷ lệ trượt giá và có lãi khuyến khích các tổ chức và đơn vị kinh tế gửi tiền vào Ngân hàng.

- Lãi suất tiền cho vay phải bù đắp được tỷ lệ trượt giá, có lãi (trong trường hợp cần thiết có thể không lấy lãi) và có ưu đãi với những mặt hàng, ngành kinh tế và vùng kinh tế cần khuyến khích.

b) Lãi suất áp dụng thống nhất cho các thành phần kinh tế, và được điều chỉnh theo sự biến động của chỉ số giá cả thị trường xã hội (tháng hoặc quý).

c) Mọi nguồn vốn Ngân hàng huy động để cho vay đều phải trả lãi. Mọi khoản Ngân hàng cho vay đều thu lãi. Chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi bình quân 0,5%.

- Tiền trên tài khoản thanh toán (tài khoản vãng lai) Ngân hàng làm dịch vụ quỹ không thu lệ phí và không có lãi; Ngân hàng trả lãi khi có lệnh của chủ tài khoản trích chuyển từ tài khoản thanh toán sang tài khoản tiền gửi.

- Tiền kinh phí ngân sách cấp cho các đơn vị dự toán, Ngân hàng chỉ làm dịch vụ quỹ không trả lãi; Ngân hàng trả lãi tiền gửi kết dư ngân sách.

- Vốn phát hành Ngân hàng sử dụng cho tín dụng phải trả lãi.

d) Lãi suất tiền gửi và cho vay bằng ngoại tệ áp dụng theo mức lãi suất thị trường quốc tế.

Điều 2. - Cấu thành mức lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng bao gồm:

- Mức lãi suất cơ bản.

- Chỉ số giá cả thị trường xã hội.

a) Mức lãi suất cơ bản được quy định như sau:

- Tiền gửi không kỳ hạn của các tổ chức và đơn vị kinh tế: 0, 15%/ tháng.

- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng của các tổ chức và đơn vị kinh tế: 0,30%/tháng.

- Cho vay ưu đãi: từ 0,45 đến 0,6% tháng.

- Cho vay sản xuất công, nông nghiệp, vận tải không thuộc diện ưu đãi từ 0,66 đến 0,81%/tháng.

- Cho vay các tổ chức dịch vụ, du lịch và lưu thông từ 0,84% đến 1%/tháng.

b) Chỉ số giá cả thị trường xã hội được tính và công bố từng thời gian cho từng vùng.

Ngân hàng và các tổ chức, đơn vị kinh tế phải hạch toán riêng phần lãi bù trừ trượt giá để bảo toàn vốn tín dụng và vốn tự có, không được chuyển số lãi này vào thu nhập hoặc lợi nhuận của đơn vị.

Điều 3.- Nợ quá hạn phải chịu phạt từ 20% đến 50% lãi suất cho vay.

Điều 4. - ở những nơi có nhu cầu vay và có khả năng huy động vốn tại chỗ, Ngân hàng được huy động vốn và cho vay theo mức lãi suất thỏa thuận.

Điều 5. - Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định khung lãi suất cơ bản, chỉ số giá cả thị trường xã hội và danh mục kèm theo Quyết định này những mặt hàng, ngành kinh tế và vùng kinh tế được hưởng lãi suất ưu đãi.

Tổng cục Thống kê và Ủy ban Vật giá Nhà nước tính chỉ số giá cả thị trường xã hội từng thời gian (tháng hoặc quý) trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng vào cuối tháng, cuối quý.

Trong phạm vi khung lãi suất cơ bản và chỉ số giá cả thị trường xã hội, Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước công bố mức lãi suất tiền gửi và cho vay từng thời gian (tháng hoặc quý).